

Bà cũng làm y vậy với chữ P. Rồi bạn tôi nghĩ thầm:

- Nếu đây là giả mạo thì khám phá được, mỗi tờ chỉ có một chữ của một mẫu tự, để mình thử bà.

Nên anh nói:

- Giả thử lần này thay vì làm hai chữ rời nhau riêng biệt, bà làm chúng dính lại với nhau như A—A được không ?

- Chẳng sao cả, cách nào làm cũng được.

Bà đáp thản nhiên và đặt ngón tay lên chữ A, vài giây sau bà nhấc ngón tay lên, đưa cho anh bạn coi hai chữ A dính liền vào nhau theo ý anh muốn. Chúng y như là được cắt ra từ cùng một tờ giấy, không có vết nối hay dán nào cả. Bà phải cắt chúng rời nhau mới dùng được. Sự việc xảy giữa ban ngày trước mặt bạn tôi và tôi, và được làm chỉ để cho bà dùng. Cả hai chúng tôi hết sức kinh ngạc và đầy lòng khen ngợi, xem xét hai chữ hết sức cẩn thận, thấy chúng y hệt nhau.'

Tiếp tục với ông Olcott là chuyện sau:

- Một buổi tối như thường lệ hai chúng tôi hút thuốc trong lúc làm việc, bà vẫn thuốc còn tôi hút tẩu. Tôi nhớ đó là cái tẩu mới và thuốc nhồi là loại tốt, nhưng bà đột nhiên ngừng rồi kêu to:

- Chà, ông hút thuốc gì tệ quá !

Tôi đáp là bà lầm rồi, vì cả tẩu và thuốc không có gì đặc biệt. Bà nói:

- Nào, tối nay tôi không thích nó đâu, ông hút thuốc điếu đi.

Tôi đáp.

- Không, tôi không hút vì bà sẽ bực lắm.

- Sao ông không dùng thử cái tẩu của Thổ từ Constantinople ? Bà hỏi.

- Tại vì tôi không có, thế thôi.

- Vậy thì, có cái cho ông đây.

Bà bảo, thò tay xuống bên dưới ghế bành và mang lên một cái tẩu đưa cho tôi. Nó bằng đất sét đỏ, miệng loe ra có mạ vàng, thân tẩu bọc nhung đỏ trang trí bằng một dây xích mạ vàng có đính những đồng tiền giả. Tôi cầm lấy tẩu và nói giản dị.

- Cám ơn bà.

rồi nhồi tẩu và châm lửa rồi tiếp tục làm việc. Bà hỏi.

- Ông thích nó không ?

- Được lắm, tôi đáp, nhưng thay vì đỏ thì tôi thích hung xanh.

- Tưởng gì, có tẩu hung xanh vậy. Bà nói, đưa tay xuống nữa rồi nhấc lên có cái tẩu thân bọc nhung xanh. Tôi cám ơn bà và tiếp tục làm việc. Cứ như thế tiếp tục và bà nói:

- Đây, cái tẩu con.

và đưa cho tôi một cái tẩu nhỏ làm theo kiểu tẩu lớn.

Có vẻ như bà đang vui muốn làm tôi ngạc nhiên nên kể đó bà tạo ra cái ống gắn thuốc lá kiểu Thổ có nạm vàng và hồ phách, bình cà phê và tách đường kiểu Thổ, cuối cùng là một cái khay chạm nổi có trang trí cẩn men giả. Tôi hỏi:

- Còn hết ? Bộ có cửa hàng Thổ bị cháy hay sao ?

Bà cười phá ra bảo rằng bấy nhiêu là đủ cho tối nay. Sau đó rất nhiều người đã thấy mấy cái tẩu và bộ đồ pha cà phê trong phòng của chúng tôi; khi rời New York chúng được đem cho hết bạn bè của chúng tôi trừ cái khay và tách đường mà tôi đem sang Ấn và còn giữ đến giờ.

Trong thời gian này, việc tạo hiện tượng không phải chỉ giới hạn vào riêng bà Blavatsky, mà còn được vài nhân vật khác thực hiện. Vẫn theo sách của ông Olcott (Old Diary Leaves):

- Hôm qua chủ nhật (1876) tôi đang ngồi đọc sách trong phòng thì nghe tiếng gõ cửa. Tôi nói 'Mời vào' thì vị Chân sư người Hy Lạp đi vào cùng một vị khác da sạm chừng 50 tuổi, lông mày và râu rậm màu xám. Chúng tôi hút xì gà trò chuyện một lúc. Tôi hỏi ngài có quen biết bà Blavatsky. Ngài đổi đề tài và do đó cho tôi hiểu rằng bốn phạm đầu tiên của người đệ tử mới nhập đạo là không hỏi câu nào có tính riêng tư, mà chỉ đón nhận cái gì đến với họ.

'Ngài nói muốn cho tôi thấy việc làm ra hoa như các đạo sư có thể làm, cùng lúc đó ngài đưa tay chỉ lên không và coi coi, hình dáng mờ nhạt của hoa này rồi hoa kia, lá này rồi lá nọ từ trong khoảng không hiện ra. Căn phòng sáng trưng vì mặt trời đang chiếu vào, hoa càng lúc càng đậm đặc lại, một mùi hương dễ chịu lan khắp phòng. Hoa nằm lửng lơ như lông trôi trong không khí, mỗi cái nằm rời nhau rồi chúng hợp thành từng bó hoa, và một đóa hồng to, linh lan, hoa trà, hoa lài, và cấm chướng rơi xuống tụ vào tay tôi. Những đóa hoa khác tách ra trở lại rơi lả tả như mưa lên sàn nhà. Tôi ngăn người kinh ngạc vì hiện tượng.

'Ngài hỏi tôi có nhớ hồi mùa hè năm ngoái khi tôi vô ý để quên chiếc ghế nhồi bông ngoài hàng hiên, nửa đêm thức dậy vì trời sấm sét đổ mưa nặng hạt, và sáng ra ngạc nhiên thấy chiếc ghế khô rang trong khi vật gì quanh nó bị ướt mềm. Tôi nhớ lại chuyện ấy. Ngài bảo đó là hiện tượng được tạo ra để kích thích trực giác tôi cho bén nhạy hơn, làm tôi ý thức vài quyền năng mà con người có thể làm.

'Trong lúc ngài đang nói thì mưa bắt đầu rơi lộp độp quanh chúng tôi trong phòng, rõ ràng mưa lớn đang rơi. Thảm ướt nhẹp, quần áo tôi cũng vậy, sách trên bàn, đồng hồ, hình chưng trên lò sưởi ướt hết, nhưng không giọt nào rơi trúng hai vị Chân sư. Các ngài ngồi đó yên lặng hút xì gà còn tẩu của tôi ướt quá nên không cháy được. Tôi chỉ ngồi chịu trận nhìn sống hai ngài thật ngốc nghếch. Có vẻ như các vị thích thú với sự kinh ngạc của tôi, nhưng chỉ tiếp tục ngồi hút mà không nói gì. Cuối cùng vị trẻ hơn bảo tôi đừng lo, không có gì bị hư hại đâu.

'Mưa đột ngột chấm dứt y như nó thỉnh linh bắt đầu, rồi vị lớn tuổi hơn lấy trong túi ra một hộp sơn mài và mở nắp, cho thấy có miếng pha lê hình tròn lõm. Ngài bảo tôi nhìn vào đó. Tôi cầm lấy hộp để cách mắt hơn một tấc và che mắt tránh nắng, sao cho không có tia phản chiếu rơi lên miếng pha lê, cái hộp tỏa ra một mùi hương liệu thơm nồng giống như mùi trầm mà không phải chỉ có vậy. Ngài nói tôi muốn thấy bất cứ gì thì chỉ cần nghĩ đến nó, mỗi lần một việc mà thôi. Tôi làm như lời. Tôi nghĩ đến mẹ tôi đã qua đời như bà vẫn thường ngồi cạnh tôi 20 năm về trước. Tôi thấy một cánh cửa ở đằng xa, nó tiến lại càng lúc càng gần hơn, hiện ra rõ hơn cho tới khi tôi mất ý thức về những vật bên ngoài và thấy như đang ở tại căn phòng tôi nghĩ trong trí. Những chi tiết đã quên từ lâu, tranh ảnh, bàn ghế v.v. hiện ra; mẹ tôi ngồi đó và câu chuyện 20 năm về trước được tiếp tục.

'Tôi nghĩ đến cảnh sắc thiên nhiên và lạ thay, tôi đứng chỗ mà núi non, thung lũng, sông, nhà cửa nằm trước mặt tôi. Tôi ở đó, không phải trong phòng ở đường 34. Việc diễn ra hơn một tiếng đồng hồ, làm như tôi có thể vút từ vùng khí hậu này sang vùng khác theo tốc độ của tư tưởng và gọi được bất cứ ai hiện ra nếu tôi muốn nói chuyện với họ. Những chuyện đã xảy ra cho tôi lúc ngủ thoát ra ngoài cơ thể cũng được cho tôi thấy, nhưng nó chỉ có ít và không quan trọng, vì khi xem ra tôi tò mò hơi nhiều thì có một lực ngăn không cho tôi thấy gì cả.

'Chuyện diễn ra xong tôi hỏi vị trẻ tuổi có quen biết bà Blavatsky, nhưng tôi nghĩ ông phải biết bà vì căn flat của bà ở trong cùng tòa nhà, tôi nói tiếp mô tả con người, trí thông minh, tánh tình của bà v.v. Vị lớn tuổi nhờ tôi gửi lời thăm hỏi bà và bảo nếu được phép sẽ ghé thăm bà. Tôi chạy xuống tầng dưới ào vào phòng khách của bà, thấy ngài đó hai vị y hệt đang hút thuốc với bà và trò chuyện thân tình như thể họ là bạn cố tri. Bà ra dấu bảo tốt hơn tôi đừng vào, tựa như đôi bên có chuyện riêng cần bàn với nhau. Tôi đứng ngẩn ra nhìn trân trân

người nọ tới người kia, vô cùng kinh ngạc. Tôi nhìn lên trần, phòng tôi ngay trên phòng bà Blavatsky, nhưng hai ngài không từ trên trần rơi xuống đây. Bà nói:

- Ông ngắm gì vậy, ông Olcott ? Có chuyện gì thế ? Hẳn ông điên rồi.

'Tôi không nói gì mà vội vã chạy băng lên lầu trở lại, mở toang cửa không thấy ai trong phòng. Tôi chạy xuống tiếp, họ đã biến mất. Tôi nghe cửa trước đóng lại, nhìn ra cửa sổ thấy hai vị vừa mới quẹo góc đường. Bà cho hay hai ngài ngồi với bà hơn một tiếng đồng hồ, và chỉ chịu nói có thể. Khi tôi cho bà xem quần áo ướt của tôi và bó hoa là chứng cứ tôi không ngủ mê, bà chỉ đáp:

- Có gì đáng nói đâu. Đừng hỏi tôi gì hết vì tôi sẽ không nói chi đâu.

'Trong nửa giờ từ lúc hai vị biến mất, trong phòng không còn một giọt hơi ẩm hay có sự ẩm ướt nào cho thấy là mưa đã rơi. Nhưng y phục tôi vẫn còn ướt và phải phơi trước lò sưởi cho khô.'

Theo ý ông Olcott, các hiện tượng HPB làm ra khi ấy có thể được giải thích bằng một trong những cách sau:

- Một số hiện tượng đòi hỏi có sự hiểu biết rất ráo về tính chất của vật chất, về lực nối kết làm các nguyên tử tụ lại với nhau, nhất là có sự hiểu biết về Akasha, thành phần của nó, cái nó chứa đựng và tiềm năng.
- Hiện tượng liên quan đến quyền năng của tinh linh khi có ý chí của người sai khiến.
- Hiện tượng sinh ra do thôi miên và gợi ý, tạo nên ảo giác về thị giác, thính giác và xúc giác.
- Hiện tượng cần đến khả năng tạo hình hay chữ viết, thí dụ việc in hình hay viết lên giấy hay những mặt phẳng khác.
- Hiện tượng do việc đọc được tư tưởng hay dùng thông nhãn thấy được việc quá khứ hay việc tương lai.
- Hiện tượng do việc giao tiếp tự ý giữa trí của HPB và trí của người sống khác cũng có khả năng huyền bí như bà hay hơn.
- Hiện tượng loại cao nhất có đặc tính tinh thần hay trực giác, hay hứng khởi, do bà tiếp xúc được với Thiên Ảnh KMy (Akashic Records), cái ký ức không hư hoại được lưu giữ trong thiên nhiên.

Ông thắc mắc như Vera trước đây tại Nga, là tại sao bà làm biết bao hiện tượng cho thân hữu mà về sau không chịu làm cho ai nghi ngờ quyền năng và hiểu biết huyền bí. Có nhiều lý do cho việc này:

1. Một lý do được nêu ra trong thư của đức K.H. cho ông Sinnett như ta sẽ đọc về sau.
2. Lý do khác là hiện tượng được tạo ra để củng cố niềm tin của ông Olcott và ai khác, y như đức Chúa làm phép lạ để củng cố niềm tin của các đệ tử.
3. Cái chót là khi ấy hội mới thành lập cần gây ấn tượng trong công chúng nên bà tạo hiện tượng.

Thỉnh thoảng HPB cũng chơi dương cầm. Ông Olcott viết:

- Bà là nhạc sĩ dương cầm xuất sắc, chơi với cung cách và sự biểu lộ thật tuyệt vời. Bàn tay bà đích thực là mẫu cho nhà điêu khắc, cả trong trí tưởng lẫn thực tại và chưa bao giờ nó được thấy rõ bằng khi lướt tay trên phím làm vang lên khúc nhạc huyền diệu. Bà là học trò của Moscheles... Đôi khi lúc trời chiều bà ngồi trong phòng chỉ có hai chúng tôi ngẫu hứng chơi đàn làm người ta tưởng như được nghe thiên thần tấu nhạc hay ban hợp ca trên thiên đàng xướng thanh.

Người khác cũng có nhận xét tương tự, khi HPB tới ở chơi theo lời mời của giáo sư Corson, vợ ông kể:

- HPB ngồi xuống và chơi đàn theo hứng vô cùng khéo léo, tỏ ra có tài thiên nghệ rất đáng kể cho ai chỉ thỉnh thoảng mới chơi khi có hứng trong lòng.

Trước khi kể tiếp, ta ghi thêm vài chuyện lý thú khác của hai vị:

'Một hôm bạn chúng tôi là ông Sullivan trước kia là đại sứ Hoa Kỳ tại Portugal đến chơi. Trong lúc trò chuyện chúng tôi bàn đến hiện tượng hóa hai (duplication). Chiều hôm ấy tôi mang về nhà tờ giấy bạc 1000 mỹ kim đưa cho HPB cất. Bà lấy nó trong ngăn kéo ra đưa cho ông Sullivan cầm rồi cuộn lại trong tay. Xong bà kêu ông mở tay ra coi có gì, ông làm theo, banh tờ giấy bạc và thấy bên trong có cuộn một tờ khác giống hệt nó, y số thứ tự. Ông kêu lên:

- Hoan hô, làm giàu cách này được lắm !

HPB trả lời.

- Không đâu, đây chỉ là trò tâm lý. Chúng tôi, những ai có quyền năng này, không dám dùng nó cho lợi riêng của mình hay ai khác, giống như ông không dám làm bạc giả. Cách nào cũng là lấy cắp của chính phủ.

'Bà từ chối không thỏa mãn óc tò mò của chúng tôi là làm sao biến nó thành hai tờ, vừa cười vừa bảo chúng tôi ráng mà tìm hiểu lấy. Hai tờ giấy bạc để nằm cạnh nhau trong học tủ và khi khách đã về rồi, bà cho tôi thấy là chỉ còn lại tờ thật ban đầu, tờ sao đã tan biến mất.

'Một thời gian ngắn trước khi rời New York, HPB cùng với tôi ra phố sắm vài món cho bà, tổng cộng lên đến 50 mỹ kim. Bởi lúc ấy bà không mang theo tiền nên tôi trả thay cho bà và lấy biên lai. Lúc sắp qua cửa vào nhà bà buông cánh tay tôi và cầm lấy bàn tay tôi, nhét vào đó mấy tờ giấy bạc, nói:

- 50 đồng của ông đây !

'Tôi nhắc lại là bà không có tiền trong người, không có khách nào tới nhà để bà có thể mượn tiền, hay khi chúng tôi rời nhà bà biết là sẽ mua gì hay chi ra bao nhiêu. Bà chỉ giản dị có tiền khi thực sự cần nó và khi đúng là bà nên có nó. Lấy thí dụ có lần tôi được nhờ đến một thành phố và làm công chuyện cho các Chân sư cái sẽ có hệ quả nghiêm trọng. Tôi ước lượng là phải cần ít nhất từ một đến hai tháng mới xong, và bởi tôi trả tiền nhà Lamasery và chi phí trong nhà cũng như có nhiều món phải chi tiêu, tôi thành thật bảo HPB là không thể bỏ việc ở New York để đi xa. Bà đáp:

- Được lắm, làm điều mà ông thấy cần làm. Ông chưa phải là đệ tử thực thụ và các Chân sư không có quyền gì bắt ông phải ngưng công việc của mình.

'Đầu vậy tôi không thể chịu được ý nghĩ là từ chối không làm chuyện nhỏ nhặt nhất mà Chân Sư kêu tôi làm, và tuy không thể thấy là làm sao có đủ lợi tức khi vắng mặt ở văn phòng, cuối cùng tôi bảo mình sẽ đi với bất cứ giá nào. HPB hỏi tôi sẽ mất bao nhiêu lợi tức khi đi xa, tôi cho bà hay con số thấp nhất là khoảng 500 mỹ kim một tháng. Tôi đi lo công chuyện đến tháng thứ hai mới trở về. Khi ra ngân hàng xem còn bao nhiêu, tôi kinh ngạc nghe nói là tiền có 1000 mỹ kim nhiều hơn số tôi tính. Nhân viên có làm không ? Không, đúng là số tiền họ đã nói. Tôi mới hỏi xem họ có nhớ hình dạng của người dường như là đã ký thác hai lần 500 \$ vào trương mục của tôi. May sao họ nhớ vì người đàn ông có hình dạng lạ lùng: rất cao, tóc đen thả dài xuống vai, mắt đen xuyên thấu, da nâu, nói tóm tắt là người Á đông. Cùng một người này gửi tiền hai lần, chỉ đưa tiền và bảo cho nó vào trương mục của tôi. Ông không có sổ băng của tôi và bảo người thu tiền ghi giùm tờ giấy gửi tiền vì, 'ông không thể viết tiếng Anh'.

'Lúc khác ở Bombay bà luôn luôn có tiền cho mình khi cần hết sức. Lúc chúng tôi mới đến đó, chỉ có đủ tiền chi xài việc trong nhà cho vài tháng sắp tới mà thôi, đừng nói đến việc ăn tiêu xa xỉ hay dư dả, vậy mà chúng tôi đi thăm vài nơi trên đất Ấn như sẽ kể về sau và bà thuê dệt thành sách rất sống động (mang tên Caves and Jungles of Hindustan), chi ra khoảng 2000 rupees mà không có ảnh hưởng gì. Quí không bao giờ cạn vì chúng tôi được Chân sư cung cấp những gì cần khi làm công việc của các ngài.

'Tôi hỏi làm sao chuyện ấy có được khi Chân sư sống ngoài thế giới của việc phải đi làm kiếm tiền, HPB đáp các ngài là những vị canh giữ các mỏ và kho tàng ngọc ngà châu báu vô tận, do karma liên kết với chúng kho tàng có thể được dùng làm việc thiện cho nhân loại bằng những cách khác nhau. Tuy nhiên một số các kho tàng

này nhiễm hào quang của tội ác mà nếu đào lên và luân lưu nó trước khi karma hóa giải sẽ sinh ra tội ác mới, làm tăng thêm khổ não cho nhân loại. Mặt khác do karma một số người sẽ như tỉnh cờ tìm được tiền của chôn giấu hay vật quý giá khác, hay nhờ kinh doanh thu hút được tài sản nhiều hay ít. Tinh linh của kim loại là tác nhân mang lại những điều này.

'Riêng về hội Theosophia, tôi có thể nói rằng biết bao nhiêu lần tôi thấy hộp tiền gần cạn, tương lai về tiền bạc rất là nản nhưng rồi luôn luôn tôi nhận được từ nguồn này hay kia số tiền tôi cần, và công việc của chúng tôi không hề bị ngưng một ngày nào vì thiếu phương tiện. Ta cũng nên nhớ lại HPB không thể quyết định là khi nào mình nên nhận được tiền cho công việc hay không. Năm 1873 khi từ Paris đến New York bà cạn túi và phải nhận may thuê để sống. Bà không có tiền từ trên trời rớt xuống vì chưa tới lúc.'

Nói về con người HPB, ông viết:

- HPB không phải là người khắc khổ, không ăn chay, có vẻ như để có sức khỏe bà cần phải ăn thịt, cả tôi cũng vậy. Bà hút thuốc liên miên, rất khéo léo trong việc vắn thuốc. Bà có thể tay trái vắn thuốc trong khi tay phải viết bài. Khi viết Isis bà ngồi một chỗ cả ngày, cái vận động duy nhất là đi qua phòng ăn hay nhà tắm và trở lại bàn viết. Vì ít vận động như thế nên khi sách viết xong, bà cân nặng 115 ký. Lúc ấy chúng tôi bắt đầu tính chuyện sang Ấn Độ nên bà tuyên bố sẽ xuống cân để tiện việc đi lại và bà xuống cân thật, chỉ còn có 70 ký ! Bà ở mức này luôn tới khi qua Ấn và sau đó một lúc lâu, nhưng rồi lên cân trở lại và giữ như thế cho đến khi qua đời.

'Bà là người rất thẳng thắn, ăn nói bộc trực khi không cần chuyện trò xã giao với người mới quen, khi phải chào hỏi lịch sự như vậy thì bà hết sức nhã nhặn trong mọi cung cách của mình. Dù vẻ ngoài có thể lời thôi ra sao bà có dáng điệu của người quý phái mà nếu muốn, sẽ rất lịch thiệp như một công tước phu nhân của Pháp. Nhưng trong đời sống bình thường, hằng ngày lời chê trách của bà thật sắc bén như dao và khi giận dữ thì nổ bùng. Đối với bà cái tội duy nhất không thể tha thứ được là giả dối và ra vẻ kệnh kiêu, khi đó bà không nương tay và không tiếc lời chỉ trích. Thường khi bà thấy được những tội lỗi giấu kín của người khác nói chuyện với bà, và nếu họ chê bai MTTL hay chính bà thì HPB sẽ tuôn cơn thịnh nộ lên đầu họ. Nhưng nếu đó là người ngay thẳng thiếu hiểu biết thì bà luôn luôn có lời dịu ngọt và đôi khi tặng quà. Bà ưa thích đi ngược với thói đời và không gì khiến hài lòng bà hơn việc làm và nói những điều khiến người giả dối kinh ngạc. Thí dụ có tối nhà đông khách cả nam lẫn nữ, HPB mặc áo ngủ ra tiếp khách. Con người bà thấy rõ rệt là không có ý gì về phái tính nên chẳng ai thấy khó xử khi bà làm vậy, khách nữ giới không hề thấy bà là tình địch mà các ông thì không thể tưởng tượng là bà muốn lôi cuốn họ vào chuyện tình cảm. Nét mặt, lời nói và hành động đều cho thấy bà không có chút cảm xúc gì về phái tính.

'Bà dùng chữ mạnh bạo mà không có ý xấu nào, và nếu tật này không làm người câu nệ khó chịu phải lên tiếng than phiền — người mà bà thấy được tội lỗi kín của họ do thông nhãn (clairvoyance) —, hẳn bà đã bỏ nó. Vì bà có tánh giống như mọi người mà mạnh hơn nhiều là làm chuyện cấm đoán chỉ vì có tinh thần đối kháng. HPB chống đối với mọi thói đời về niềm tin, thị hiếu, y phục, tư tưởng, hành vi mà cũng có một đặc tính làm người lạ ngạc nhiên và làm ai yêu quý bà thấy rất lời cuốn, đó là khi gặp chuyện gì hài lòng thì bà hớn hở như trẻ thơ, như khi thân nhân gửi món quà lạ lùng từ Nga qua, bà vui thích đem khoe với mọi người làm họ cũng thích thú. Bà không hề để bụng giận ai, hể tức mình thì tuôn ra một thôi một hồi làm đối phương choáng váng nhưng sau đó bà lại nhã nhặn, lịch thiệp như cũ. Tánh tính HPB cứng cỏi và nhân vật duy nhất mà bà chịu tôn kính là các Chân sư; ý chí bà mạnh mẽ nên khi tức giận hay có điều phạt ý thì trọn con người bùng bùng xáo trộn. Ta có nói nhiều nhân vật sử dụng thân xác bà trong lúc viết bộ Isis, nhưng ngay cả với các Ngài khi thể xác có sự bực bội tột độ thì ít ai dùng được nó ngoại trừ vị Chân sư là Thầy của bà, có ý chí còn sắt đá hơn HPB, những Vị

khác hiền hòa hơn lúc đó không tới gần hay không thể tới gần.

CHƯƠNG IX

Sang Ấn Độ

Kể từ cuối 1876 đến năm 1878, hội Theosophia không còn hoạt động. Tuy nhiên ảnh hưởng lớn mạnh của nó thấy qua việc thư từ liên lạc với hai vị sáng lập tăng lên, báo chí đăng các bài viết gây nhiều tranh cãi của hai người, các chi bộ được thành lập ở Corfu và London, và nhiều người tán đồng ở Ấn Độ và Tích Lan cũng liên lạc với hai vị. Tại Hoa Kỳ, những nhà thông linh học có tiếng vào hội lúc ban đầu nay tất cả đều ra khỏi hội, những buổi họp gần như ngưng, tiền niêm liễm hội viên phải đóng được hủy bỏ nhưng cái ý tưởng thì chưa bao giờ mạnh mẽ bằng, hay phong trào đẩy lực sinh động khi nó loại bỏ cơ cấu tổ chức bên ngoài và tinh thần của nó cô đọng lại vào tâm não và linh hồn hai vị sáng lập.

Tháng 7 năm 1878 HPB trở thành công dân Hoa Kỳ. Cũng trong năm nay tình cờ hai vị được biết là có một tổ chức tại Ấn giảng dạy minh triết trong kinh sách của Ấn giáo. Đòi bên liên lạc và vì lý do nào đó hai vị rất tán phục tổ chức này và muốn hội Theosophia hợp làm một với nó. Việc đã xúc tiến trước khi hai vị sang Ấn, nhưng khi nhận được bản điều lệ của tổ chức này thì thấy rằng tổ chức thiên nặng về Ấn giáo thay vì chủ trương tinh huỳnh đệ đại đồng như của hội, nên việc hòa hợp chấm dứt. Hoa Kỳ lúc đó xem ra không phải là nơi thuận tiện để có hoạt động về Theosophia, hội gần như ngủ yên trong lúc này mà ta cũng có ý kiến khác là việc sang Ấn đã manh nha từ năm 1877. Ông Judge ghi rằng bà Blavatsky nhờ ông soạn hợp đồng cho bà và nhà xuất bản bộ Isis, khi soạn xong và bà ký vào đó, HPB bảo:

- Nay tôi có thể tính đến chuyện sang Ấn.

Về phần ông Olcott trong quyển 'Old Diary Leaves', ông tả lại một kinh nghiệm cho ra kết quả trọng đại cho đời ông như sau:

- Khi đã làm xong việc hôm ấy về quyển Isis, tôi chào HPB rồi quay về phòng mình, đóng cửa lại như thường lệ, ngồi xuống hút thuốc và đọc sách, chẳng bao lâu tôi mê say theo dõi chuyện mà nếu tôi nhớ đúng là quyển 'Travels in Yucatan' của Stephens. Bàn và ghế của tôi nằm ở bên trái trước cánh cửa phòng, chiếc giường nhà binh nằm bên phải, cửa sổ thì đối diện với cửa lớn và phía trên cao của bàn là cái đèn bằng gaz từ tường đâm ra.

'Tôi yên lặng đọc sách, hướng trọn tâm trí vào đó... Tôi ngồi với vai hơi quay về phía cửa, bất chợt tôi thoáng thấy có cái gì màu trắng ở góc phải của khóm mắt phải, kinh ngạc tôi quay đầu bỏ rơi cuốn sách và thấy đứng sừng sững trước mắt tôi một người đông phương có vóc dáng cao lớn, y phục trắng, quần khăn có sọc màu hổ phách bằng lụa có thêu tay. Ngài có tóc đen nhánh thả dài từ khăn xuống vai, râu đen chẻ ở giữa cầm theo kiểu cách của các hoàng thân Ấn, xoắn lại ở hai đầu và vắt qua tai. Mắt ngài sáng động với ngọn lửa tâm linh, vừa hiền dịu mà cùng lúc nhìn xuyên thấu tâm can, là mắt của vị thầy và của quan tòa nhưng được làm nhẹ đi bằng tình thương của người cha, ngắm nhìn đứa con đang cần lời chỉ dạy và hướng dẫn. Ngài là nhân vật rất mực uy nghi, có sự đường bệ của sức mạnh đạo đức, sáng rực nét tinh thần cao hơn người đời thật rõ ràng nên tôi thấy mình hèn mọn trước mặt ngài và cúi đầu, khuyu gối như ta làm trước mặt thần linh hay nhân vật cao cả như thần linh. Có bàn tay để nhẹ lên đầu tôi, có giọng nói mạnh mẽ nhưng êm ái kêu tôi ngồi xuống và khi tôi ngẩng lên

nhìn thì ngài đã ngồi vào chiếc ghế bên kia bàn.

'Ngài cho tôi hay là đến vào lúc có biến cố tôi cần đến ngài, rằng hành động của tôi đã mang tôi tới điểm này, rằng chỉ có tôi mới quyết định có nên hay không việc ngài và tôi nên thường gặp nhau trong đời này như là những người cùng làm việc lành cho nhân loại, rằng có một phần việc vĩ đại sắp phải làm cho nhân loại và tôi có quyền dự phần vào đó nếu muốn, rằng có một mối dây huyền bí chưa thể giải thích cho tôi rõ lúc này đã mang HPB và tôi lại với nhau, một mối dây không thể làm đứt đoạn dù đôi lúc bị căng thẳng. Ngài cho tôi hay những chuyện về HPB mà tôi không thể nhắc lại, cũng như chuyện về tôi không liên quan đến ai khác. Tôi không thể nói ngài ở đó bao lâu, có thể nửa tiếng hay một tiếng mà cũng có thể chỉ là một phút vì tôi không để ý tới thời gian trôi qua.

'Cuối cùng ngài đứng dậy, tôi lạ lùng với chiều cao của ngài (6'6", khoảng 2.1m) và nét mặt chói lọi của ngài, không phải vẻ rực sáng bên ngoài mà là nét êm dịu của ánh sáng bên trong, của tinh thần. Đột nhiên óc tôi tự hỏi:

- Nếu đây chỉ là huyền tưởng thì sao ? nếu đây là do HPB thôi miên làm tôi thấy ảo ảnh ? Ước sao có được vật sờ mó được để chứng tỏ cho mình thấy là ngài thực sự đã tới đây, có cái gì mà mình cầm được trong tay sau khi ngài đã đi rồi !

'Chân sư mỉm cười nhân từ như thể đọc được ý nghĩ của tôi, tháo khăn fehta trên đầu, nhẹ nhàng chào từ giả tôi và — biến mất, ghế ngài không còn ai, chỉ có tôi một mình với cảm xúc riêng ! Không hẳn là một mình vì trên bàn có nằm chiếc khăn thêu quấn đầu, một bằng chứng hữu hình và còn mãi cho tôi thấy là mình không bị bỏ quên, hay bị làm mà mất, mà đã mặt đối mặt với một trong những bậc Huynh Trưởng của nhân loại, một trong các Chân sư mà chúng ta là đệ tử đại khờ.

Kinh nghiệm này là yếu tố chính khiến ông Olcott quyết định sang Ấn Độ cùng HPB vào tháng 12-1878, đầu vậy ông phải giải quyết vài chuyện thực tế trước đó, ấy là tuy rất muốn đi Ấn nhưng ông không thể rời Hoa Kỳ trước khi hai con trai có công việc làm, mà ông cũng chưa biết là mình sẽ sinh sống bằng cách nào nếu không hành nghề luật là việc làm của ông lúc này, lại còn phải chu cấp cho người vợ đã ly dị. Trong buổi nói chuyện trên Chân sư trấn an rằng ông sẽ tìm ra cách giải quyết và hai con trai của ông cũng sẽ được chăm lo. Thật vậy, chẳng bao lâu người con lớn tìm được chỗ làm ở California, còn ông Judge kiếm được việc cho người con thứ. Khi ấy ông Olcott dàn xếp để có thể làm việc xuất nhập cảng tại Ấn, ý của ông là bán sản phẩm về văn hóa Ấn sang Hoa Kỳ cũng như làm đại diện cho hàng hóa Hoa Kỳ tại Ấn. Tổng thống Hayes ký tên thư giới thiệu ông đến tất cả các bộ trưởng và lãnh sự Hoa Kỳ, và bộ ngoại giao cấp cho ông sổ thông hành ngoại giao, cùng giao cho ông việc tường trình những cơ hội mậu dịch cho Hoa Kỳ tại Á châu.

Theo lời khuyên của bác sĩ, ông Olcott để râu mọc dài che chở cho cổ họng để bị cảm của ông. Râu đã mọc dài khoảng 10 cm thì một buổi sáng khi thức dậy ông cảm thấy có gì dưới cằm. Ông mất một tiếng đồng hồ mới gỡ rời được thì thấy đó là một lợn râu đã mọc trong đêm dài đến 35 cm. Khi đưa cho HPB xem bà giải thích rằng Chân sư đã khiến râu mọc đêm qua để làm nơi dự trữ sức che chở cho ông. Vì chỉ là một lợn nếu thả dài tới bụng trông sẽ kỳ lạ nên ông nhét nó dưới cổ áo cho tới vài năm sau râu mọc đều. (Râu tóc chứa đựng năng lực nên HPB có nhận xét rằng các vị sư tóc dài thường sống lâu hơn ai cạo tóc râu).

Vào tháng 5-1878 nhà phát minh Thomas Edison gia nhập hội (năm 1979 vào dịp lễ kỷ niệm 100 năm sáng chế bóng đèn điện, văn khố Edison tại Madison, New Jersey triển lãm những tài liệu về ông Edison trong đó có một biên lai đóng niên liêm cho hội Theosophia của ông Edison). Nói về ảnh hưởng của MTTL đối với triết lý của Edison, trước khi ông qua đời báo chí hỏi ông có tin người ta vẫn tiếp tục sống sau khi chết hay không, Edison đáp:

- Việc tiếp tục sống duy nhất mà tôi có thể nghĩ ra là bắt đầu chu kỳ sống khác trở lại.

Nói khác đi là luân hồi tái sinh.

Cũng vào tháng 5 hai vị được lệnh khởi sự chuẩn bị việc qua Ấn sau này. Ông Olcott chỉ định các hội viên trông coi chuyện hội tại Hoa Kỳ trong lúc ông vắng mặt. Vào tháng 11 HPB ghi trong nhật ký rằng Chân sư Serapis ra lệnh đi Ấn, trễ nhất là trong khoảng 15 - 20 tháng 12, ngài muốn hai vị đi ngày 17-12. Cuối cùng mọi việc thu xếp xong, trả nhà, bán đấu giá bàn ghế. Trước khi rời nước ông Olcott đến thăm Edison và mua đem sang Ấn một máu trâu âm nặng 50 ký, ngày 15-12 trong buổi tiệc chia tay tại Lamasery, khách đến tiễn biệt thay phiên nhau nói vào máy cho các hội viên tại Ấn để hai vị mang băng sang đó. Ta có lời của HPB, ông Olcott, ông Judge, và nhiều người khác trong thuở ban đầu của hội. Chuyện không may là về sau (1895) cuộn băng bị hư theo với thời gian không còn phát ra tiếng nữa.

Hai vị chào từ giả chòm đèn đã chứng kiến bao đêm họ ngồi viết Isis, và lên tàu lúc 7 giờ tối ngày 17-12, cùng đi với hai vị sang Ấn là hai thân hữu người Anh. Từ New York họ sang tới London vào ngày đầu năm 1879.

Tại đây khi đang đi trong thành phố với bạn lúc trời mù, ông nghe một người kêu lên kinh ngạc mà khi quay lại, ông bắt được ánh mắt của một người Ấn cao lớn cũng đang quay đầu lại. Hai vị cư ngụ vài ngày tại nhà người quen ở London, sau chuyện trên khi về đến nhà ông Olcott nghe kể là như thường lệ chủ nhà đóng cửa cài then, nhưng khi bà chủ nhà từ phòng khách ra định tới phòng HPB thì giật nảy mình khi thấy một người Ấn rất cao lớn đang đứng trong phòng, giữa cửa ngoài và cửa phòng HPB, đôi mắt sắc bén lạ thường. Người này không giải thích làm sao vào được nhà mà chỉ nói:

- Tôi muốn gặp bà Blavatsky.

Ông đi về phía cửa phòng bà, làm như biết phòng nên chủ nhà mở cửa phòng cho ông đi vào. Ông chấp tay chào HPB theo kiểu Ấn, nói bằng ngôn ngữ mà chủ nhà không biết, bà tính đi ra thì bà Blavatsky ra dấu cho bà ngồi. Chủ nhà không biết tại sao người bằng xương bằng thịt có thể đi xuyên qua cửa vật chất đóng kín...

Sau vài ngày lưu tại London và ông Olcott thuyết trình tại hội quán của hội Theosophia ở đây, hai vị lên tàu sang Bombay nay gọi là Mumbai và tới nơi ngày 15-2, 1879. Lúc còn ở New York trước khi đi ông Olcott nhờ người lo mượn chỗ cư ngụ tại Bombay, sang tới nơi ở được vài ngày ông nhận ra là mình đã bị gạt với giá mượn quá cao và bị tính tiền những khoản vô lý. Ngày 7-3 hai vị tìm được nơi khác trong khu của người Ấn (thay vì là khu của người da trắng) nơi ít người da trắng lui tới và về ngụ chỗ này. Ở đây ông và bà mỗi vị có nhà riêng cho mình, ông cũng mượn người giúp việc cho bà Blavatsky là một cậu trai 15 tuổi người Ấn tên Babula, tỏ ra rất trung thành, ở cùng bà cho tới ngày cuối đời. Chẳng mấy chốc hai vị có nhiều khách đến thăm, và chín ngày sau đó ông cũng nhận được thư của ông Alfred Percy Sinnett, chủ bút tờ The Pioneer, một trong những tờ báo rất có thế lực tại Ấn, ngõ ý mời hai vị đến chơi nếu có dịp lên vùng phía bắc, cũng như sẵn sàng đăng tải những sự kiện liên quan đến việc làm của hai vị tại Ấn.

CHƯƠNG X

Bombay

Trong những tháng đầu năm 1879 hai vị có những lý do riêng cảm thấy bị ngã lòng. Có lúc ông Olcott nghĩ rằng qua Ấn là sai lầm lớn. Ta không biết ông gặp những khó khăn gì ngoài sự lừng gạt nói ở trên khi vừa đến Bombay cùng lo lắng về sinh kế trong tương lai. Tâm trạng này được đề cập trong một thư ông nhận được của Chân sư:

- Vì bạn đi tới kết luận là rời quê hương tới nơi này là hành động điên khùng ... chúng ta nên có một hiểu biết chung càng sớm càng tốt cho mọi người. Để bắt đầu, ý muốn qua Ấn rất đổi nồng nhiệt là của bạn... Đừng mơ tưởng cái không thể có, đừng hy vọng rằng vào phút cuối bạn sẽ được trợ giúp. Nếu bạn không đủ sức qua được thời kỳ thử thách và xác định bạn đủ tư cách của vị đạo sư tương lai bằng cách bắt buộc hoàn cảnh từng phục mệnh, bạn hoàn toàn không thích hợp cho bất cứ thử thách nào khác...

Nó cho thấy có nhiều việc làm ông ưu tư trong thời gian này. Về phần bà Blavatsky một nguyên do lớn gây buồn lòng là dân bản xứ khăng khăng chẳng chịu hợp tác trong việc tái tạo lại văn hóa của mình. HPB viết vào năm 1881:

- Từ sáu năm nay (từ 1875) chúng tôi đã xác nhận công khai rằng khoa Yoga của Ấn là một khoa học đích thực, có hàng ngàn chứng cứ xác nhận và ủng hộ nó, và tuy chỉ còn ít nhà Yogi chân chính của Ấn, ai thành tâm vẫn có thể tìm được các ngài nếu theo đúng đường. Rằng những xác nhận này bị người Âu châu thách thức là chuyện đương nhiên phải có, tuy thế việc người Ấn, hậu duệ của triết gia cổ thời cũng chối bỏ và bài bác là liều thuốc cay đắng khó nuốt. Dầu vậy chúng tôi không thi thảm mà mạnh dạn nói lên thông điệp của mình. Lời nói của chúng tôi quay trở về mình gần như là không có vang vọng nào trong khoảng không bao la là Ấn Độ. Hiếm thấy có linh hồn can đảm nào đứng lên bảo rằng chúng tôi nói đúng, rằng yoga có thật, và rằng vị Yogi chân thực vẫn còn hiện hữu. Chúng tôi được nghe rằng Ấn Độ đã chết, rằng mọi ánh sáng tinh thần đã tắt ngấm từ lâu trong ngọn đuốc của xứ sở này, rằng khoa học hiện đại đã chứng minh chuyện xưa chỉ là sai lạc... Nhưng khi người ta thấy rằng chống đối không làm chúng tôi im tiếng, và không chứng cứ nào cho sự chống đối được nêu ra, thì có những dấu hiệu đầu tiên xuất hiện cho thấy có sự thay đổi ý kiến.

Chuyện khác cũng gây thối chí là việc trong 18 tháng đầu trên đất Ấn, mật vụ Anh theo dõi HPB, tin rằng bà có thể là điệp viên Nga, ngay cả ông Olcott cũng bị nghi ngờ. Vào lúc này hai nước Nga và Anh tranh giành ảnh hưởng ở bán đảo Ấn, có thể việc hai vị giao thiệp với người bản xứ nhiều hơn là với những người da trắng khác làm họ bị đặt câu hỏi. Nhiều người bản xứ bị ảnh hưởng vì những nghi ngờ này đã không muốn gia nhập hội. Thư và điện tín gửi tới bị mở ra đọc, thư gửi đi thỉnh thoảng bị tịch thu. Nhà cầm quyền cho người theo dõi từng bước của hai vị rất lộ liễu nên một lần ở ga xe lửa trước khi lên tàu, HPB tới nhân viên bám theo đuôi và đùa cợt cảm tạ sự hộ tống của ông. Tàu về đến Bombay, hai vị tới toà lãnh sự Hoa Kỳ nơi ấy yêu cầu có lời phản đối. Khi trả lời chính quyền Bombay của Anh đáp với toà lãnh sự rằng họ không có ý gì thất lễ.

Mặt khác, trong suốt những năm ở tại Ấn, HPB cũng là cái đích cho một số nhà truyền giáo vụ khống, phi báng, họ xem hoạt động của bà (nhằm khôi phục minh triết cổ xưa của Ấn giáo) như dẫm chân lên quyền trời cho của họ là đi cứu rỗi linh hồn người ngoại đạo. Một Chân sư khi nói về công việc của phong trào Theosophy gọi đó là 'Mong ước khó thành', và giải thích:

- Khi nhìn vào mức độ của công việc mà người chí nguyện cho phong trào phải thực hiện, và nhất là có vô số kẻ dàn hàng đối nghịch, ta có thể sánh nó với nỗ lực tuyệt vọng chống lại địch thủ mạnh hơn bội phần mà

người chiến sĩ chân chính can đảm ra tay.

Ông Olcott thắng được ý muốn quay trở về Hoa kỳ và vào tháng 7-1879 hai vị quyết định xuất bản nguyệt san The Theosophist, ông sẽ trông coi mặt thương vụ còn bà Blavatsky chủ biên. Phân chia là vậy nhưng trong những số đầu ta sẽ thấy mỗi tháng bà bận rộn đóng, gói báo gửi tới người mua, báo bày kín trên sàn trên bàn viết trong phòng làm việc của bà. Với công việc này hai vị may mắn có được phụ tá đắc lực và hết lòng là Damodar K. Mavalanka, Damodar là nhân vật đáng được nói tới nên ta sẽ đề cập thêm tới ông dưới đây. Nói tiếp về tờ Theosophist, báo có tầm vóc quốc tế, được lưu hành ở nhiều nước thu hút độc giả ở phương tây những người chưa hề nghe nói đến MTTL. Số đầu tiên ra vào tháng 10-1879. Bài viết của HPB trong 6 năm bà làm chủ biên rất đáng kể, sau này những bài ấy được in lại trong 5 cuốn đầu của bộ Collected Writings. Chuyện đáng nói là các Chân sư viết một số bài báo qua tay HPB, càng làm cho báo thêm giá trị.

Sau khi đọc Isis và gia nhập hội, Damodar viết:

- Không có gì là phóng đại khi nói rằng chỉ trong mấy tháng nay tôi mới là thực sự là người đang sống, vì giữa cuộc sống tôi có lúc này và cuộc sống mà tôi hiểu trước kia có một khoảng cách không sao lấp bằng... Khi đó ước vọng của tôi chỉ là tậu thêm nhiều đất đai, có địa vị trong xã hội và thỏa mãn ước muốn, thèm khát của mình...

'Việc hỏi Theosophia đã soi sáng cho tôi về đất nước mình, tôn giáo, bốn phận của tôi. Tôi trở nên tín đồ Ấn giáo tốt đẹp hơn hồi nào đến giờ, tôi cũng nghe tương tự là người Parsi nói họ trở nên tín đồ Hỏa giáo tốt đẹp hơn kể từ khi gia nhập hội Theosophia. Tôi cũng thấy Phật tử viết thư cho hội bảo rằng việc học hỏi MTTL làm họ quý chuộng tôn giáo của mình hơn nữa. Thế thì việc học hỏi này làm cho mỗi người tôn kính đạo của mình nhiều thêm. Nó cho họ cái nhìn xuyên qua chữ nghĩa vô tri và thấy rõ ràng phần tinh thần... Nếu ta xem xét tất cả tôn giáo theo nghĩa thông thường thì dường như chúng chống đối nhau về nhiều chi tiết, không cái nào thuận với cái nào... Phải có một căn bản chung trên đó mọi hệ thống tín ngưỡng đặt nền tảng, và cái căn bản chung đó nằm ở gốc mọi điều, đó là chân lý.'

Damodar là người đầu tiên dùng chữ Mahatma để nói về các vị Chân sư ở Hi Mã Lạp Sơn. Trước đó các ngài được gọi là những vị Huynh Trưởng. Đây chỉ là chữ mới trong Anh ngữ cho người tây phương, còn thì chữ này đã được dùng từ lâu ở Ấn để chỉ những bậc sáng suốt.

Tháng 8-1879 bà Blavatsky nhận được thư của một người quen biết là Emma Coulomb nhờ được giúp đỡ. Trở ngược câu chuyện một chút, ở trang 20 ta có ghi năm 1871 Helena sang Cairo và quen với ông bà Coulomb lúc đó chưa lập gia đình với nhau. Đi vào chi tiết là Helena lên tàu Hy Lạp đi Cairo nhưng tàu nổ và chìm ở nửa chặng đường, trong số 400 hành khách chỉ có 16 người sống sót. Helena được cứu và mang về Ai Cập nhưng mất hết tiền bạc và hành lý, do đó cô gặp khó khăn trong lúc chờ đợi chính phủ Hy Lạp bồi thường. Khi ấy Emma giúp việc tại khách sạn Helena cư ngụ đã tốt bụng cho Helena mượn tiền để qua tai nạn trên. Nay tại Ấn, bà có thư của Emma cho biết đã thành hôn với con trai của người chủ khách sạn là Alexis Coulomb. Công việc làm ăn không khá tại Cairo khiến hai ông bà Coulomb sang Ấn Độ, mở khách sạn tại Tích Lan nhưng cũng không thành công. Họ đang bị kẹt tại Tích Lan và muốn biết là nếu sang Bombay, hai vị có thể tìm việc cho họ được không? Ông Olcott thuận mời hai ông bà sang Bombay và giúp hai người tìm việc.

Tháng 12-1879 hai vị tới thăm ông bà Sinnett lần đầu tiên tại Allahabad phía bắc Ấn Độ, đi theo có Damodar và Babula. HPB chẳng những không uống rượu mà chỉ cần hơi rượu cũng làm bà khó chịu, nhưng khi ngụ tại nhà ông bà Sinnett, rượu được dùng tự do tại nơi này và HPB bị chìm trong hơi rượu suốt hai tuần. Một người bạn của ông Sinnett là ông Allan Octavian Hume đến chơi gặp hai vị sáng lập, sau đó xếp đặt cho ông

Olcott có một buổi thuyết giảng về Theosophia tại Allahabad. Trong buổi nói chuyện ông có chút sơ sót nên trên đường về bà mạnh mẽ vạch ra điều ấy với lời phê bình lớn tiếng. Ông Sinnett ngạc nhiên về cơn bão bất ngờ mà cũng ghi rằng ông Olcott can đảm nhận chịu sự trách cứ, còn chính người trong cuộc là ông Olcott viết:

- Cố nhiên là vậy. Tôi quý yêu những đặc tính đáng quý của bà và rất cảm tạ việc bà đã chỉ cho tôi đường đạo. Tôi chấp nhận cơn thịnh nộ của bà vì điều tốt đẹp mà bà sinh ra thì trội hơn rất nhiều mọi đau khổ cá nhân ta phải chịu.

Tiếp tục cuộc thăm viếng của hai vị sáng lập ở phía bắc Ấn, sau ngày 18-12 hai vị đi Benares. Ở đây ông Olcott tới thăm xã giao giáo sư Thibault người Đức, dịch giả kinh Veda sang tiếng Anh. Tối hôm đó ông Thibault tới nơi hai vị cư ngụ để đáp lễ, cùng đi với ông là một số học giả về Phạn ngữ, có mặt trong buổi nói chuyện là bà Blavatsky và năm người khác có Damodar. Trong câu chuyện giáo sư Thibault nói rằng các học giả Phạn ngữ đoán chắc với ông là hồi xưa có những nhà yogi thực sự có quyền năng kỳ lạ mô tả trong kinh sách, thí dụ như họ có thể làm trận mưa hoa hồng rơi xuống trong căn phòng như mọi người đang ngồi, nhưng nay thì không còn ai có thể làm như vậy.

Nghe thế là đủ cho HPB ra tay. Bà phát tay phải trong không với cử chỉ thật oai vệ và có khoảng một chục bông hồng rơi xuống. Trong khi những người khác húng chí nhạt hoa, ông Thibault ngồi chết sững như trời trồng, ông hỏi bà có thể làm lại lần thứ hai chăng. Bà lập lại cử chỉ và có thêm hoa rơi, một cành rơi trúng đầu ông Thibault, tung lên và rớt vào lòng ông. Ông giật mình, mở rồi nhắm mắt nhiều bận xong nói:

- Sức nặng nhân với vận tốc chúng tôi là hoa phải được mang về từ xa.

Ông Olcott không cho biết chiều cao của trần nhà, nhưng ta biết đó là căn nhà trệt như thế trần chắc không cao lắm. Phép lạ chưa chấm dứt vào tối hôm ấy. Khi ông Thibault đứng dậy ra về, ông Olcott kéo màn cửa đưa ông ra và Damodar cầm đèn theo sau. Ông bắt tay giáo sư Thibault người đứng trong bóng tối ngoài nhà, khi ông quay lại thì thấy bà Blavatsky đứng dậy, gương mặt có cái nhìn lạ lùng đầy quyền uy cái gần như luôn luôn thấy trước khi sinh ra hiện tượng. Ông gọi ông Thibault trở lại. Bà Blavatsky cầm lấy ngọn đèn từ tay Damodar, móc ngón trở tay trái vào móc đèn, chỉ ngón trở tay phải vào ngọn lửa và nói một cách uy nghi:

- Đi lên.

Ngọn lửa vươn lên cao hơn.

- Đi xuống.

Nó lụn từ từ cho tới khi còn rất nhỏ và có màu xanh ở cuối tim đèn.

- Đi lên, ta ra lệnh.

Ngọn lửa đi lên trở lại.

- Xuống !

Nó xuống như trước. Bà đưa cây đèn cho Damodar, gật đầu với ông Thibault mà không thốt lời nào, và vào nhà trở lại.

Sau đó bà giải thích với ông Olcott chuyện chẳng đáng gì cả. Một vị đạo sư đã vận cho tim đèn lên xuống mà thôi, nhưng ông không tin. Ông cho rằng bà đã làm chủ được tinh linh lửa. Có lần bà nói rằng tinh linh đất, nước và không khí thường dễ cho sai khiến nhưng muốn khiến tinh linh lửa làm chuyện gì thì khó hơn nhiều. Ông nghĩ là bà không muốn nhìn nhận rằng mình có được quyền năng nhiều như vậy.

Ta có nói HPB sống bằng nghề cầm viết từ khi qua Hoa Kỳ, bà đi nhiều nơi chứng kiến nhiều việc và biến những điều mắt thấy tai nghe thành chuyện lý thú. Thuở ấy Ấn Độ còn đầy sự bí ẩn huyền hoặc đối với người tây phương nên bài viết về nước này được nhiều chú ý, năm 1879 HPB tiểu thuyết hóa cuộc du hành của mình trên đất Ấn, gửi đăng báo tại Nga. Những điểm chính trong chuyện là có thật tuy nhiên như bất cứ tác giả nào bà

thêm bớt, tô điểm tinh tiết vì vậy người đọc không nên tin hết mọi điều trong đó, mà chúng cũng không xảy ra theo thứ tự kể trong bài. Kể nữa tuy chuyện bắt đầu viết khi bà sang Ấn năm 1879 nhưng trước đó bà đã qua Ấn nhiều lần, thế nên chuyện không phải chỉ gồm những việc xảy ra từ năm 1879 mà còn chứa đựng nhiều điều bà đã gặp trong những lần du hành trước. Về sau chuyện được cháu gái của bà là Vera Johnston dịch sang Anh văn với tựa đề *From the Caves and Jungles of Hindostan*. Tại Nga, loạt bài của HPB về đất Ấn gây chú ý sôi nổi, chuyện kéo dài trong vài năm trên báo. Ảnh hưởng của chuyện được thấy khi năm 1884 sang Âu châu ông Olcott gặp hai người Nga bị quyến rũ đi du lịch qua Ấn do đọc chuyện đăng báo. Họ cho hay chuyện lời cuốn làm mê say mọi người ở Nga.

Cuối tháng giêng ông bà Coulomb từ Tích Lan sang tới Bombay, giữ lời hứa ông Olcott liên lạc với thân hữu tìm việc cho ông Coulomb nhưng việc không kéo dài lâu, rốt cuộc hai vị thuận cho ông bà Coulomb ở chung nhà, ông Coulomb biết nghề mộc, sửa máy nên lo chuyện quanh nhà còn bà Coulomb giữ phần việc quản gia.

HPB biết đến Phật giáo từ lúc nhỏ, khi theo ông ngoại tới ngụ trong vùng Astrakhan ở cửa sông Volga đổ vào biển Caspian, với dân chúng nơi đây thuộc người Kalmuck theo Phật giáo. Khi trưởng thành ta đã thấy bà sang Ấn sang Tây Tạng nên không xa lạ với Phật giáo. Từ khi sang Ấn, ông Olcott và bà dự tính sẽ viếng thăm các hoạt động của Phật giáo tại Tích Lan. Để có thể đi xa một thời gian dài, hai vị chuẩn bị trước nhiều số báo *The Theosophist*. Họ rời Ấn ngày 7-5 bằng tàu và đến Tích Lan ngày 17-5, đây là lần đầu tiên hai vị tới đây nhưng dân cư nơi này đã nghe tiếng ông và bà trước đó. Chuyến đi này có ý nghĩa quan trọng và lớn lao chẳng những cho Phật giáo tại nơi đây mà cho Phật giáo nói chung trên thế giới nên ta dành một chút thời gian để nói thêm về sự kiện này, dù nó chỉ là sự việc nhỏ trong đời bà Blavatsky.

Trong thời gian đó Tích Lan cũng như Ấn là thuộc địa của Anh, nhà cầm quyền tại Tích Lan cấm đoán ngặt nghèo sinh hoạt tôn giáo tại đây, tỏ ra kỳ thị Phật giáo như luật bắt buộc dân chúng phải thành hôn trong giáo đường Anh giáo.

Vào thập niên 1870 một trong những phản ứng của người Tích Lan là loạt tranh luận giữa đại diện Phật giáo và Anh giáo. Nhà sư Megethuvatte Gunananda có những buổi thuyết giảng nhằm phá bỏ ảnh hưởng của các nhà truyền giáo, đáp lại người theo Thiên Chúa giáo mở một cuộc họp đồng đảo cho công chúng, nhất quyết triệt hạ ông. Họ thách thức ông đến tranh luận công khai với những học giả giỏi dang nhất của họ. Gunananda chỉ có một mình nhưng không chùn bước, ông đối diện với lực lượng kết hợp của Thiên Chúa giáo và với tài hùng biện, lý luận đanh thép hạ được đối thủ khiến họ phải ngượng ngùng chịu thua. Âm vang của cuộc tranh luận lịch sử này lan sang tận Hoa Kỳ và vài năm sau ông nhận được thư của một đại tá Mỹ và phụ nữ quý tộc người Nga tỏ ý hoan nghênh chiến thắng của ông, cùng cho hay việc thành lập hội Theosophia. Kèm theo thư là bộ Isis. Ông Gunananda từ đó liên lạc với hai vị thường xuyên và bắt đầu dịch một số đoạn trong Isis sang tiếng Tích Lan. Các bài dịch này được lưu hành trên khắp đảo và chẳng bao lâu dân chúng quen thuộc với tên Olcott và Blavatsky.

Trong chuyến viếng thăm này hai vị chịu lễ qui y tam bảo, thọ ngũ giới. HPB có thiện cảm với Phật giáo nhưng trọng tâm hoạt động của bà vẫn luôn luôn là MTTL. Bà viết:

- Quả đúng là tôi xem triết lý của đức Phật là hệ thống cao siêu nhất, tinh tuyền nhất và trên hết thấy, hợp lý nhất so với tất cả. Nhưng hệ thống này đã bị biến dạng trong bao thế kỷ qua do tham vọng và lòng cuồng tín của hàng tăng sĩ và đã trở thành tôn giáo đại chúng... Tôi muốn uống nước tận nguồn hơn là nước của bất cứ dòng suối nào trong vô số dòng suối phát xuất từ đó... Đức Phật khi cải cách và phản đối lại những lạm dụng của hàng giáo sĩ Bà La Môn cố tình, đã hoàn toàn đặt căn bản trên ý nghĩa bí truyền của kinh sách tuyệt diệu có

từ ban sơ.

Hai vị đi các nơi trong Tích Lan, lập một số chi bộ và đón nhận nhiều người gia nhập hội. Một trong những người này là nhà sư Anagarika Dharmapala, sau này là nhân vật tiếng tăm có đóng góp rất đáng kể trong việc truyền bá Phật giáo ở thế kỷ 20, lúc đó 16 tuổi. Ông kể lại mối quen biết với bà:

- Vào tháng 12-1884 bà Blavatsky và ông Olcott lại viếng thăm Colombo trên đường tới Madras. Tôi thưa với ba tôi rằng muốn đến Madras làm việc với hai vị. Mới đầu ba tôi ưng thuận, nhưng tới ngày tôi lên đường, ba nghiêm trang bảo nằm mơ thấy điềm xấu và không thể cho tôi đi. Vị sư trưởng, những vị sư khác mà tôi quen biết từ lúc nhỏ, ông bà tôi, ai cũng chống đối. Tôi không biết phải tính sao, nhưng lòng tôi nhất định đi vì tôi nghĩ nó sẽ dẫn đến cuộc đời mới cho tôi. Bà Blavatsky đối mặt với các vị sư và cả gia đình tôi. Bà thật là phụ nữ tuyệt vời, đầy năng lực với ý chí dẹp tan hết mọi trở ngại... Thế nên gia đình tôi thuận lòng...

'Có lúc bà bảo tôi rằng vì tâm hồn và thân xác tôi trong sạch, tôi có thể tiếp xúc với các đạo sư ở Hi Mã Lạp Sơn. Thành ra năm 19 tuổi tôi quyết định dành trọn đời học khoa học huyền bí, nhưng tại Madras bà chống lại kế hoạch ấy. Bà dạy:

- Việc sáng suốt hơn là bạn hiến đời mình cho việc phụng sự nhân loại, và trước hết thấy hãy học tiếng nam Phạn (Pali), ngôn ngữ thánh của đức Phật.

'Thuở đó chữ viết Pali ít được biết đến... Từ lúc ấy đến khi bà rời Madras, HPB chăm lo cho tôi, bà viết dẫn dò tôi đi theo ánh sáng trong tâm. Tôi theo sát lời khuyên của bà và tôi rất vui được làm chứng về khả năng soi sáng tâm linh thật kỳ diệu của HPB...'

Đây chỉ là một trong những lời của người thời đó, cho thấy lòng ưu ái của HPB đối với người trẻ. Theo với chuyện ta sẽ biết được những người khác có kỷ niệm đáng nhớ về cách đối xử của HPB với họ lúc nhỏ.

Về chuyến đi Tích Lan, xin mời bạn đọc một giai thoại lý thú của dịp này đăng trong báo PST 49 trang 39. Ngày 13-7, hai vị quay về Ấn. Một hôm bà kêu ông Olcott vào nhà của mình để giới thiệu với ông một khách của bà, đó là vị Chân sư Serapis người Ai Cập, vị đã gửi ông nhiều thư tại Hoa Kỳ. Ngài cho hai vị lời khuyên về cách điều hành hội và sau đó ông Olcott được yêu cầu rút lui khỏi phòng nên không thấy Chân sư rút lui bằng cách nào. Ông chỉ ghi là khi ông bước ra thì ngài ngồi cùng bà Blavatsky trong phòng. Trong tháng 8 hai vị nhận được thư của ông Sinnett mời lên chỗ nghỉ hè của ông tại Simla và hai vị rời Bombay lên đường ngày 27-8. Từ giai đoạn này hai nhân vật Sinnett và Hume đóng vai quan trọng trong một thời gian đầu của hội nên ta cần biết thêm một chút về họ.

Alan Octavian Hume

Ông Alan Octavian Hume được xem là cha đẻ của quốc hội Ấn. Tuy là người Anh nhưng ông đã cùng với bà Annie Besant hô hào, khuyến khích người Ấn và tranh đấu cho Ấn Độ được độc lập, nhưng đó là chuyện trong tương lai. Ông là viên chức cao cấp sở thuế của nhà cầm quyền Anh tại Ấn và cũng là thẩm phán tòa sơ thẩm, rất có khả năng và óc thông minh sâu sắc. Ngoài công việc hành chánh mà ông tỏ ra giỏi dang, ông Hume còn ưa thích ngành điểu học, nhiều giống chim mới được ông khám phá, phân loại và trưng bày ở nhà trong tủ đặt quanh tường như trong viện bảo tàng. Dầu vậy sách ghi rằng '... khi gia nhập hội ông gửi điện tín cho những người chuyên bắt chim cho ông ở khắp nơi, bảo họ ngưng không bắt chim nữa vì một trong những chủ trương của MTTL là không lấy đi sự sống...' Từ đó ông cũng ăn chay trường.

Là người có lý trí mạnh mẽ, đầu óc khoa học, do chứng kiến nhiều hiện tượng mà bà Blavatsky hay vị khác làm trước mặt ông và nhiều nhân chứng, ông tin vào sự hiện hữu của Chân sư và cõi vô hình. Khi được hỏi

về sự hiện hữu của các Chân sư và các ngài làm được điều gì tốt lành, ông viết:

- Nay tôi biết là các vị Huynh Trưởng hiện hữu trong đời, nhưng các chứng cứ mà tôi có được thì hoàn toàn chủ quan và do đó chỉ hữu ích cho riêng tôi mà thôi, trừ phi bạn xem việc tôi ở đây, tại Simla, nhận thư của một trong các Ngài là thầy của tôi, thả rơi trên bàn mà chỉ có tôi một mình trong nhà còn bà Blavatsky, ông Olcott và tất cả những đệ tử khác v.v. cách xa đây hàng ngàn dặm.

Còn nói về việc các vị Huynh Trưởng làm điều gì tốt lành cho tôi hay người khác ... nếu bạn xem việc thành lập hội Theosophia là một chuyện tốt thì ít nhất đó là một những điều tốt lành các Ngài đã làm cho người khác, và nếu bạn nghĩ nó tốt cho tôi vì khiến tôi bỏ được tất cả mọi ham muốn vật chất và chuyên chú hoàn toàn trọn con người mình vào việc tạo điều tốt đẹp cho người khác, thì tôi chắc ta có thể nói đây là điều tốt lành mà các vị Huynh Trưởng đã làm cho tôi.

Ông trở thành chi trưởng chi bộ của hội tại Simla, tuy trái ý với HPB một số điều nhưng sau này khi báo chí đăng bài vu khống HPB gọi bà là người hoang đàng vô lương tâm (an unscrupulous adventuress), ông viết một bức thư dài bênh vực bà trong đó có đoạn:

- Quý vị có thể gọi ai là người hoang đàng khi chẳng những họ không lấy tiền từ chủ trương họ theo đuổi mà ngược lại, còn dốc hết tiền riêng của mình chi ra cho nó không ? Nếu không thì chắc chắn đại tá Olcott và bà Blavatsky không phải là kẻ hoang đàng, vì tôi biết chắc chắn hai vị đã bỏ thêm vào số thu nhập của hội Theosophia hơn 2.000 đồng bằng Anh (thập niên 1880). Sổ sách hội được kiểm toán thường xuyên, in ra và công bố nên ai muốn đều có thể xem xét để chứng thực.

Hiện Tượng tại Simla.

Về ông Sinnett cũng có nhiều điều lý thú để ghi nhưng đây chưa phải lúc. Ông là một nhân vật giao du rộng rãi trong tầng lớp cầm quyền của Anh tại Ấn nên qua ông, hai vị sáng lập tiếp xúc được với những người da trắng có thế lực. Những người này do óc hiếu kỳ có thể lạ lùng với việc một luật sư Mỹ và một phụ nữ quý tộc Nga lại theo Phật giáo và bênh vực Ấn giáo, cho rằng tôn giáo này có minh triết thâm sâu trong khi giới trung lưu Anh chỉ thấy đây sự dốt nát, mê tín dị đoan. Sự tò mò khiến họ tìm hiểu về MTTL mà hội quảng bá, nhờ vậy tôn trọng người bản xứ cùng tôn giáo của họ hơn, tiến thêm một chút về tinh huynh đệ đại đồng và bớt kỳ thị. Vào lúc này khi chính sách đa văn hóa được áp dụng ở nhiều nơi và sự kỳ thị về màu da, chủng tộc, phái tính, tôn giáo đã bớt, chúng ta có thể coi đó là điều không quan trọng, nhưng vào thập niên 1880 tại Ấn đó là chuyện mới mẻ gây chú ý.

HPB có tính chẳng chịu khuất phục ai, lệ thường là ai mới đến một nơi thì đi thăm trước những người đã ở lâu nơi đó hay có thế lực để tự giới thiệu mình, nhưng HPB trong lần đến nhà ông bà Sinnett ở Allahabad năm 1879 và năm nay đến Simla không hề thăm viếng ai. Dầu vậy tiếng tăm của bà được nhiều người nghe nên khi biết tin bà ở nhà ông bà Sinnett, các nhân vật người Anh ở hai nơi trên nườm nượp tới thăm mà không phải ngược lại, một phần để mong được thấy phép lạ. Lần trước ở Simla bà chú ý nhiều người tạo nên tiếng gõ trên bàn, trên cửa; lần này hai sự việc lạ lùng xảy ra gây bàn tán sôi nổi và sau đó khi được ông Sinnett viết thành sách (The Occult World) phát hành ở Anh, đông người đọc làm tiếng vang lớn hơn và hội Theosophia cùng các Chân sư được biết tới nhiều hơn. Một số người nhờ đọc quyển này The Occult World mà đến với hội, hay biết tới minh triết đông phương. Sự việc diễn ra như sau.

Đến Simla, hai vị đi cang do ông Sinnett gửi đến có nhiều người khiêng, lên nhà trên sườn đồi. Tánh HPB không nề nang ai mà hề có chuyện gì bất bình thì không giữ trong lòng mà lộ ra trên nét mặt, lời ăn nói. Trận bão

có thể ào ào thành giông tố tới bởi sấm sét thịnh nộ đáng sợ, nhưng ai đã chứng kiến hay là cái đích cho cơn thịnh nộ nói rằng khi bão qua rồi thì bà quên hoàn toàn, trở lại là nhân vật quý phái cư xử nhã nhặn, bất thiệp như cũ. Bởi bà giao tiếp nhiều với người Anh, sắc dân nổi tiếng về sự kềm chế cảm xúc như câu nói 'phớt tỉnh Æng lê', vui buồn có trào dâng hay sâu đậm thế mấy cũng giữ vẻ thản nhiên ngoài mặt, do đó họ đối nghịch với HPB. Một số người còn cảm thấy không thoải mái với cách nói chuyện hay cư xử bộc trực của bà, còn ông Sinnett thì tuy quý chuộng HPB và vui lòng được bà nhận lời đến chơi, nhưng hồi hộp lúc tiếp khách vì không biết họ sẽ phản ứng ra sao khi giông tố bất thình lình xảy ra. Ông phê bình với ông Olcott là khi lớn tiếng thì HPB không phải là quảng cáo tốt đẹp cho triết lý mà bà khuyến dụ mọi người.

Dầu vậy, ông mời được nhiều viên chức chính quyền đến gặp hai vị, trong đó có thiếu tá Henderson, người đã ra lệnh cho theo dõi hai vị. Ngày 29-9 bà Blavatsky và ông Olcott cùng bà Sinnett đi dạo chơi trên đồi, HPB hỏi bà Sinnett ao ước điều gì nhất, bà Sinnett bảo muốn nhận được thư của các Chân sư. HPB xé một mảnh giấy màu hồng, lấy tay vạch vài dấu hiệu vô hình trên đó, xếp giấy thành hình tam giác và đi ra xa chừng 20 m. Tới sườn đồi và hướng về phía tây, bà làm vài dấu hiệu rồi tung giấy lên không. Khi đó bà Sinnett bảo muốn thư trả lời rơi trong lòng mình, nhưng HPB đáp nó không xuống đó mà sẽ ở trên cây. Bà đi lại một cây nhưng không thấy gì ở đó. Cả ba người đi tới chỗ khác xa hơn nữa, chỗ trước đó họ chưa tới, mới đầu họ cũng không thấy gì ở đó nhưng rồi bà Sinnett trèo lên cây chừng một thước và nhìn quanh quất cành lá. Bà không thấy gì cả nhưng khi quay đầu lại mà không cử động gì khác, bà lập tức thấy ngay trước mặt ở chỗ mà mới đây không thấy có gì, một tờ giấy màu hồng xếp lại hình tam giác giống như tờ được thấy trong không, có cành lá ghim xuyên qua. Khi bà gỡ ra và đem xuống đọc thì giấy ghi hàng chữ:

- Tôi được dặn để thư ở đây cho bạn. Nay tôi có thể làm gì cho bạn đây ?

Cả ông Olcott và ông Sinnett không coi hiện tượng này là chứng cứ để trưng ra cho ai hoài nghi, vì thư không hiện ra ở chỗ mà bà Sinnett muốn, hay họ có thể nói đó không phải là mảnh giấy được thấy tung lên không, hay nó là mảnh giấy khác có hình dáng tương tự được HPB đặt sẵn ở đó trước. Mặc dầu vậy ông Sinnett thuật theo lời bà Sinnett là khúc cây nhỏ đâm xuyên qua thư vẫn còn xanh, tươi và ẩm ướt như thể chỉ mới được bẻ ra để ghim thư, nó chưa bắt đầu khô và héo lại trong trường hợp được bẻ lâu từ trước.

Bây giờ ông Sinnett nảy ra ý viết thư cho các vị Huynh Trưởng nếu bà Blavatsky chịu chuyển giùm ông. Ông Hume cũng viết thư cho bà yêu cầu cùng việc ấy. Bà đáp nó nằm ngoài khả năng của bà nếu không được giúp đỡ và nó tùy thuộc bà có được trợ lực hay không. Mọi người quanh đó nghe một tiếng như tiếng chuông nhỏ ngân lên gần đầu bà, và HPB nói rằng đó là dấu hiệu cho biết làm được, ông có thể xúc tiến. Về sau bà nói thêm là khó mà tìm được Vị nào chịu liên lạc thư từ với ông Sinnett và ông Hume. Trước tiên bà hỏi thầy của mình là đức M thì ngài từ chối thẳng (ngài cung một !) không muốn bận bịu tới việc ấy, liên lạc với những Vị khác cũng bị từ chối. Cuối cùng đức K.H. tự ý nhận làm (ngài cung hai !).

Hiện tượng nổi tiếng hơn cả diễn ra vào ngày 3-10, 1880. Ai nấy dậy sớm để đi chơi ngoài trời. Người giúp việc cho ông bà Sinnett xếp sáu bộ bát đĩa cho sáu người: ông bà Sinnett, hai vị, thiếu tá Henderson và một người khách nữa. Mọi người sẵn sàng lên đường, các ông đi ngựa còn các bà đi cáng, thì có khách cỡi ngựa đến và được mời nhập bọn đi chơi luôn. Tuy mọi người biết nơi sẽ đến nhưng có một số đường khác nhau dẫn tới chỗ đó, và đường mà họ đi thì không định trước. Sau vài giờ họ tới một khoảng cỏ bằng phẳng hơi dốc, có cây lớn cho bóng mát. Họ dừng lại và gia nhân trải khăn, đốt lửa nấu nước làm trà và cà phê, khi đó có khám phá là chỉ có 6 bộ tách và đĩa cho 7 người. Ông Olcott nghe bà Sinnett khiển trách gia nhân là đã không lấy thêm một bộ bát đĩa khi thấy số người tăng lên thành bảy, rồi bà quay lại phía mọi người, nói rằng đành phải có hai người dùng chung một tách. Ông Olcott đề nghị một người uống bằng đĩa, và có ai đó đề nghị đây là cơ hội cho bà Blavatsky dùng huyền thuật tức hiểu biết bí truyền tạo thêm một tách và đĩa.